TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21-7-2020
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hữu Hà;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Bé Hai;
2. Bà Hồ Thị Mai Hương;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 323/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp 5, xã Phương T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp

Hiện sinh sống: ấp Nguyễn C, xã Nhị M, huyện Cao L, Đồng Tháp

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: ấp 5, xã Phương T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2020; biên bản hòa giải ngày 07/7/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị Thu H là nguyên đơn trình bày:

- **Về hôn nhân**: Chị H và anh T kết hôn năm 1994, không có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến đời sống vợ chồng không hòa hợp. Vợ chồng nhiều lần nói chuyện với nhau để tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân với nhau đến nay đã 08 năm. Trong thời gian ly thân này, vợ chồng không ai liên lạc với nhau, cũng không tìm cách nào hàn gắn tình cảm. Nhận thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị Nguyễn Thị Thu H yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

- **Về con chung**: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mộng L sinh năm 1995 và Nguyễn Kim B, sinh năm 1997. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành tự lao động được nên không yêu cầu cấu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung**: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung**: Không có.

Theo biên bản hòa giải ngày 07/7/2020, bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:

- **Về hôn nhân**: Anh thừa nhận lời trình bày của chị H về việc hai người kết hôn năm 1994, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như lời trình bày của chị H. Vợ chồng đã ly thân với nhau 08 năm nay. Thời gian ly thân này, vợ chồng không ai liên lạc với nhau, cũng không tìm cách nào hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu H.

- **Về con chung**: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mộng L, sinh năm 1995 và Nguyễn Kim B, sinh năm 1997. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành tự lao động được nên không yêu cầu cấu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung**: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung**: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Thu H có đơn yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là *"Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con"*.

Anh Nguyễn Thanh T là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: ấp 5, xã Phương T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Nguyễn Thanh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 01 nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Thanh T.

2. Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Chị H và anh T thừa nhận chung sống vào năm 1994 và không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, chị H, anh T có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa

vụ của vợ, chồng. Nay, đời sống chung giữa chị H, anh T phát sinh mâu thuẫn, chị H yêu cầu ly hôn. Anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận chị Hường, anh T là vợ chồng.

- **Về con chung**: Chị H, anh T có 02 con chung, tên là Nguyễn Thị Mộng L, sinh năm 1995 và Nguyễn Kim B, sinh năm 1997. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành, chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai số 0003803 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 53, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

2. Về con chung: Nguyễn Thị Mộng L, sinh năm 1995 và Nguyễn Kim B, sinh năm 1997 đã trưởng thành, chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003803 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có

lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa

(đã ký)

Trần Hữu Hà